

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-QLCS

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

V/v xin ý kiến vào Dự thảo Tờ trình và Quyết định Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên quyết định ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung trong Quý III năm 2023.

Ngày 16/11/2018 UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên. Căn cứ ban hành Quyết định trên là Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đến nay Thông tư trên đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà

nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và tình hình thực tế của địa phương. Sở Tài chính xây dựng Dự thảo: Tờ trình và Quyết định Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

(Có dự thảo Tờ trình và Quyết định kèm theo).

Tuy nhiên theo điểm a Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định "a) Đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định **khác so với quy định** tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản cố định bảo đảm tăng, giảm không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn của tài sản cố định tương ứng quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này".

Do vậy đối với nội dung này đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố có ý kiến gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

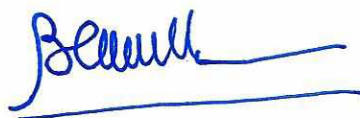
Để hoàn thiện nội dung văn bản trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định ban hành theo quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đề nghị các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu tham gia ý kiến các dự thảo nêu trên. Văn bản tham gia ý kiến đề nghị gửi về Sở Tài chính **trước ngày 20/9/2023** (bản file mềm gửi về địa chỉ: congsandb@gmail.com) để tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định.

Sở Tài chính gửi các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Mạnh Chuyên

Số: /2023/QĐ-UBND
“DỰ THẢO”

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; bao gồm:

a) Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của quyết định này thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị; gồm:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định đặc thù quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Danh mục tài sản cố định đặc thù

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính

b) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và Quyết định này, thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm và thay thế Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tại cơ quan nhà nước, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 6;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên phủ;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

PHỤ LỤC SỐ 01
QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục
Loại 1	Tài sản đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa vật thể
I	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
1	Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ
II	Di tích cấp quốc gia
1	Di tích lịch sử hang Mượ̀ng Tĩnh
2	Di tích lịch sử văn hóa thành Bản Phủ
3	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Mượ̀ng Luân
4	Di tích danh lam thắng cảnh động Pa Thom
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Sam Mủn
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Chiệ̀ng Sơ
7	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Khó Chua La
8	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Chua Ta
9	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Há Chớ
10	Di tích khảo cổ học hang Thặ̉m Khượng
11	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Xá Nhè
12	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Pê Rặ́ng Ky
III	Di tích cấp tỉnh
1	Di tích lịch sử cách mạng Pú Nhung
2	Di tích lịch sử cách mạng dân quân Thanh An bắn rơi máy bay Mỹ
3	Di tích lịch sử văn hóa công trình Đại thủy nông Nặ̣m Rộ̀m
4	Di tích lịch sử nhà tù Lai Châu
5	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Mủn Chụ̃ng
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Vàng Lộ̀ng
7	Di tích lịch sử Pú Vạ̣p
8	Di tích lịch sử Xện Mượ̀ng Thanh
Loại 2	Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh và Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử
I	Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh
1	Trống đồng loại H2 gồm:
	Trống đồng Noong Luộ̀ng số 1
	Trống đồng Mượ̀ng Đặ́ng

STT	Danh mục
	Trống đồng Na Luông
	Trống đồng Pe Luông
	Trống đồng Na luông
	Trống đồng Nà Sáy
	Trống đồng Chiềng Chung
	Trống đồng Na Luông số 1
	Trống đồng Na Luông số 2
	Trống đồng Pom Ban
	Trống đồng Na Luông
	Trống đồng Co Sáng số 2
	Trống đồng Nà Hý số 2
	Trống đồng Nà Hý số 3
2	Trống đồng loại H3 gồm:
	Trống đồng Noong Luông
	Trống đồng U va
	Trống đồng Bản Liêng
	Trống đồng Phiêng Quái
	Trống đồng Mường Ảng
	Trống đồng Co Sáng La
	Trống đồng Co Sáng
	Trống đồng Mường Ảng PB số 10
	Trống đồng Mường Ảng PB số 12
	Trống đồng Co Sáng số 1
	Trống đồng Pá Ban số 2
	Trống đồng Pá Ban số 3
	Trống đồng Pá Ban số 4
	Trống đồng Pá Ban số 5
	Trống đồng Pá Ban số 6
	Trống đồng Nà Hý số 1
	Trống đồng Pá Nậm A
	Trống đồng Nhôm Khao
	Trống đồng Chiềng Nưa
	Trống đồng Pá Ngam 1
3	Trống đồng loại H4 gồm:
	Trống đồng Na Ngum
	Trống đồng Mường Lay
	Trống đồng Pá Ban số 1
	Trống đồng Him Lam
4	Trang phục dân tộc gồm:

STT	Danh mục
	Trang phục dân tộc Thái
	Trang phục dân tộc Mông
	Trang phục dân tộc Dao
	Trang phục dân tộc Khơ Mú
	Trang phục dân tộc Hà Nhì
	Trang phục dân tộc Lào
	Trang phục dân tộc Cống
	Trang phục dân tộc Phù Lá
	Trang phục dân tộc Si La
	Trang phục dân tộc Giáy
	Trang phục dân tộc Tày
	Trang phục dân tộc Nùng
	Trang phục dân tộc Xinh Mun
	Trang phục dân tộc Mảng
	Trang phục dân tộc Kháng
	Trang phục dân tộc Pú Nả
	Trang phục dân tộc Lự
	Trang phục dân tộc Sán Chỉ
	Trang phục dân tộc Xạ Phang
5	Trang sức dân tộc gồm:
	Trang sức dân tộc Thái
	Trang sức dân tộc Mông
	Trang sức dân tộc Dao
	Trang sức dân tộc Khơ Mú
	Trang sức dân tộc Hà Nhì
	Trang sức dân tộc Lào
	Trang sức dân tộc Cống
	Trang sức dân tộc Phù Lá
	Trang sức dân tộc Si La
	Trang sức dân tộc Giáy
	Trang sức dân tộc Tày
	Trang sức dân tộc Nùng
	Trang sức dân tộc Xinh Mun
	Trang sức dân tộc Mảng
	Trang sức dân tộc Kháng
	Trang sức dân tộc Pú Nả
	Trang sức dân tộc Lự
	Trang sức dân tộc Sán Chỉ
	Trang sức dân tộc Mường

STT	Danh mục
6	Trang sức dân tộc Xạ Phang
	Hiện vật kháng chiến gồm
	Súng ngắn Bò rao ning
	Súng lục có ổ quay
	Súng AR 15
	Súng M79
	Súng K50
	Súng CKC
	Súng Sten
	Súng lục môde số 716096
	Súng trường Mỹ số 293377
	Súng trường 7 ly 9 số 38925
	Súng trường Anh số 8213
	Súng trường MAS số 294694
	Súng trường Mỹ số 302578
	Tiểu liên tuyen số 15898
	Tiểu liên Tôn Sơn số 357869
	Trung liên MAS số 31371
	Súng săn Mỹ số 17810
	Súng trung liên B Zen nô số 38472
	Súng tiểu liên MAS số 39398
	Súng trường Mỹ số 211675
	Súng CKC
	Súng săn của Mỹ
	Súng trung liên
	Súng đại liên
	Súng B40
	Súng trung liên (1716012)
	Súng B41 (603895)
	Súng các bin
	Súng săn dân tộc Hà Nhì
	Súng săn dân tộc Mông
	Súng kíp dân tộc Dao
	Máy đàm thoại HT1
	Ống nhòm
	Bom bi
	Bom bướm bướm
	Bom Mỹ
	Cát tút + đầu đạn

STT	Danh mục
	Đạn + cát tút
7	Hiện vật thời kỳ đổi mới gồm:
	Bát yêu
	Đĩa sứ trắng men
	Điếu bát
	Bát tô lan
	Bát con
	Máy tễ ngô
	Máy tuốt lúa
8	Hiện vật Đèo Văn Long gồm:
	Áo lễ phục
	Mặt gối rồng
	Bức thêu sa tanh
	Câu đối
	Lọng có tua
	Lọng không tua
9	Hiện vật khác gồm
	Thân tượng đồng
	Đầu tượng đồng
	Đầu tượng đồng
	Phù điêu bằng chì
	Gạch chữ nhật L1
	Gạch chữ nhật L2
	Mảnh gạch chữ nhật L2
	Gạch chữ nhật L4
	Vòng cổ bạc
	Ấm bạc
	Ấu bạc
	Tượng quan âm
	Gạch hươu
	Ngà voi
	Tượng tín ngưỡng dân tộc Lào (Đồ thờ cúng)
	Tượng phật
	Triện đồng
	Súng Pa chay
	Con hạc (Đồ thờ Hoàng Công Chát)
	Chuông đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chát)
	Bát hương (Đồ thờ Hoàng Công Chát)
	Cọc nền (Đồ thờ Hoàng Công Chát)

STT	Danh mục
	Đài đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Tượng bụt ốc
	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Súng thần công
	Súng mèo cổ
	Bát con
	Tượng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Vạc đồng
	Nồi đồng
	Chuông đồng thị xã Lai Châu (Mường Lay)
	Thạp men nâu
	Hũ sành
	Bát sành thời Trần
	Bát sành thời Lê
	Bát gốm (thời Trần)
	Bát gốm (thời Hậu Lê)
	Đĩa sứ tráng men (thời Lê)
	Chũm chọe
	Liễn gốm tráng men
	Bát con (Thời Lê)
	Bát tô (Thời Lê)
	Ang (Thời Lê)
	Tượng Nà Tăm
	Bát
	Lọ gốm
	Bát
	Liễn men ngọc
	Cốc chân cao
II	Hiện vật trưng bày tại Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử
1	Súng trung niên 24-29
2	Súng tiểu liên K50
3	Súng tiểu liên Tuyn
4	Súng ngắn col 12
5	Súng Bazoka

STT	Danh mục
6	Địa bàn- la bàn
7	Súng Stốc
8	Súng trọng liên Mas
9	Súng trọng liên 12,7mm
10	Đỉnh hương
11	Nòng súng cối 120mm
12	Thân súng ĐKZ
13	Máy ảnh
14	Ghế xếp
15	Súng cối 60mm
16	Ghế sắt
17	Lưỡi mác
18	Pháo 155mm
19	Càng pháo 155mm
20	Chân đế càng pháo 155mm
21	Xác xe cơ giới
22	Cối xay cà phê
23	Bình súng phun lửa
24	Bộ quần áo lính pháp
25	Vạc
26	Ống nhôm
27	Bom phá
28	Bàn sắt
29	Xe cút kít
30	Lốp ô tô
31	Nhíp ô tô
32	Sơn pháo 75mm
33	Hỏa tiễn H6

STT	Danh mục
34	Xe tăng
35	Súng trọng liên 4 nòng
36	Máy điểm hỏa+ cuộn dây điện
37	Bồn tắm
38	Máy phát điện
39	Nòng pháo 155mm
40	Bàn làm việc
41	Guồng quay thông tin
42	Súng các bin
43	Súng tiểu liên Tuyn
44	Súng trường
45	Cối xay
46	Súng phóng lựu
47	Máy in rô ni ô
48	Bình phun lửa
49	Càng pháo
50	Súng Sten
51	Dao díp
52	Bộ quần áo bộ đội
53	Pháo cao xạ 37 mm
54	Áo Dạ
55	Khung giường sắt
56	Dù
57	Vỏ bình rượu
58	Máy đánh chữ
59	Dụng cụ phẫu thuật
60	Khung cang thương

STT	Danh mục
61	Súng cối 60
62	Xe đạp thồ
63	Súng DKZ
64	Đế cối 81mm
65	Súng máy phòng không 12,7mm

PHỤ LỤC SỐ 02

**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TẠI SẢN CƠ ĐỊNH
VÔ HÌNH**

Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh

	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% / năm)
I	Quyền tác giả		
	- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	50	2
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	50	2
	- Tác phẩm âm nhạc	50	2
	- Tác phẩm báo chí	50	2
	- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật	50	2
	- Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
	- Quyền tác giả khác	50	2
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
	- Bằng sáng chế	20	5
	- Nhãn hiệu	10	10
	- Kiểu dáng công nghiệp	15	6,67
	- Khác	10	10
III	Quyền đối với giống cây trồng		
	- Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
	- Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Các phần mềm ứng dụng khác	5	20

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-STC
“DỰ THẢO”

Điện Biên, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên quyết định ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung trong Quý III năm 2023.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và tình hình thực tế của địa phương, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 16/11/2018 UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Quy

định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên. Căn cứ ban hành Quyết định trên là Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tuy nhiên đến nay Thông tư trên đã hết hiệu lực thi hành được thay thế bằng Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023.

Tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, quy định:

“ c) Tài sản cố định đặc thù là những tài sản không xác định được chi phí hình thành hoặc không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật (như: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, di tích lịch sử được xếp hạng, tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm...), tài sản cố định là thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý”.

Tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, quy định:

“2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

Thời gian tính hao mòn của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm.

Trường hợp cần thiết phải quy định thời gian tính hao mòn tài sản cố định vô hình dưới 04 năm thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.”

Từ các quy định trên, Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính

hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên (thay thế Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Điện Biên) cho phù hợp với thực tế và quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích: Quy định cụ thể danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên thực hiện theo dõi và ghi sổ kế toán.

2. Quan điểm:

Nội dung của Dự thảo Quyết định Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên phù hợp với quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ban hành danh mục tài sản theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục:

Dự thảo Quyết định Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên, gồm 6 điều.

2. Nội dung cơ bản:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; bao gồm:

a) Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Các tài sản cố định khác không nằm trong phạm vi điều chỉnh của quyết định này thực hiện theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao

cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị; gồm:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính.

b) Danh mục tài sản cố định đặc thù

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính

b) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và Quyết định này, thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm và thay thế Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô

hình tại cơ quan nhà nước, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trên đây là Tờ trình về việc Ban hành Quyết định Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.

Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Mạnh Chuyển

PHỤ LỤC SỐ 01
QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Kèm theo Tờ trình số ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)

STT	Danh mục
Loại 1	Tài sản đặc biệt trong lĩnh vực Văn hóa vật thể
I	Di tích cấp quốc gia đặc biệt
1	Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ
II	Di tích cấp quốc gia
1	Di tích lịch sử hang Mường Tỉnh
2	Di tích lịch sử văn hóa thành Bản Phủ
3	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Mường Luân
4	Di tích danh lam thắng cảnh động Pa Thom
5	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Sam Mứn
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật tháp Chiềng Sơ
7	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Khó Chua La
8	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Chua Ta
9	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Há Chớ
10	Di tích khảo cổ học hang Thẩm Khương
11	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Xá Nhè
12	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Pê Răng Ky
III	Di tích cấp tỉnh
1	Di tích lịch sử cách mạng Pú Nhung
2	Di tích lịch sử cách mạng dân quân Thanh An bắn rơi máy bay Mỹ
3	Di tích lịch sử văn hóa công trình Đại thủy nông Nậm Rốm
4	Di tích lịch sử nhà tù Lai Châu
5	Di tích danh lam thắng cảnh hang động Mùn Chung
6	Di tích kiến trúc nghệ thuật thành Vàng Lồng
7	Di tích lịch sử Pú Vạp
8	Di tích lịch sử Xên Mường Thanh
Loại 2	Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh và Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử
I	Hiện vật, cổ vật trưng bày trong Bảo tàng tỉnh
1	Trống đồng loại H2 gồm:
	Trống đồng Noong Luống số 1
	Trống đồng Mường Đăng

STT	Danh mục
	Trống đồng Na Luông
	Trống đồng Pe Luông
	Trống đồng Na luông
	Trống đồng Nà Sáy
	Trống đồng Chiềng Chung
	Trống đồng Na Luông số 1
	Trống đồng Na Luông số 2
	Trống đồng Pom Ban
	Trống đồng Na Luông
	Trống đồng Co Sáng số 2
	Trống đồng Nà Hý số 2
	Trống đồng Nà Hý số 3
2	Trống đồng loại H3 gồm:
	Trống đồng Noong Luông
	Trống đồng U va
	Trống đồng Bản Liếng
	Trống đồng Phiêng Quái
	Trống đồng Mường Ảng
	Trống đồng Co Sáng La
	Trống đồng Co Sáng
	Trống đồng Mường Ảng PB số 10
	Trống đồng Mường Ảng PB số 12
	Trống đồng Co Sáng số 1
	Trống đồng Pá Ban số 2
	Trống đồng Pá Ban số 3
	Trống đồng Pá Ban số 4
	Trống đồng Pá Ban số 5
	Trống đồng Pá Ban số 6
	Trống đồng Nà Hý số 1
	Trống đồng Pá Nậm A
	Trống đồng Nhôm Khao
	Trống đồng Chiềng Nua
	Trống đồng Pá Ngam 1
3	Trống đồng loại H4 gồm:
	Trống đồng Na Ngum
	Trống đồng Mường Lay
	Trống đồng Pá Ban số 1
	Trống đồng Him Lam
4	Trang phục dân tộc gồm:

STT	Danh mục
	Trang phục dân tộc Thái
	Trang phục dân tộc Mông
	Trang phục dân tộc Dao
	Trang phục dân tộc Khơ Mú
	Trang phục dân tộc Hà Nhì
	Trang phục dân tộc Lào
	Trang phục dân tộc Cống
	Trang phục dân tộc Phù Lá
	Trang phục dân tộc Si La
	Trang phục dân tộc Giáy
	Trang phục dân tộc Tày
	Trang phục dân tộc Nùng
	Trang phục dân tộc Xinh Mun
	Trang phục dân tộc Mảng
	Trang phục dân tộc Kháng
	Trang phục dân tộc Pú Nả
	Trang phục dân tộc Lự
	Trang phục dân tộc Sán Chỉ
	Trang phục dân tộc Xạ Phang
5	Trang sức dân tộc gồm:
	Trang sức dân tộc Thái
	Trang sức dân tộc Mông
	Trang sức dân tộc Dao
	Trang sức dân tộc Khơ Mú
	Trang sức dân tộc Hà Nhì
	Trang sức dân tộc Lào
	Trang sức dân tộc Cống
	Trang sức dân tộc Phù Lá
	Trang sức dân tộc Si La
	Trang sức dân tộc Giáy
	Trang sức dân tộc Tày
	Trang sức dân tộc Nùng
	Trang sức dân tộc Xinh Mun
	Trang sức dân tộc Mảng
	Trang sức dân tộc Kháng
	Trang sức dân tộc Pú Nả
	Trang sức dân tộc Lự
	Trang sức dân tộc Sán Chỉ
	Trang sức dân tộc Mường

STT	Danh mục
6	Trang sức dân tộc Xạ Phang
	Hiện vật kháng chiến gồm
	Súng ngắn Bò rao ning
	Súng lục có ổ quay
	Súng AR 15
	Súng M79
	Súng K50
	Súng CKC
	Súng Sten
	Súng lục môde số 716096
	Súng trường Mỹ số 293377
	Súng trường 7 ly 9 số 38925
	Súng trường Anh số 8213
	Súng trường MAS số 294694
	Súng trường Mỹ số 302578
	Tiểu liên tuyen số 15898
	Tiểu liên Tôn Sơn số 357869
	Trung liên MAS số 31371
	Súng săn Mỹ số 17810
	Súng trung liên B Zen nô số 38472
	Súng tiểu liên MAS số 39398
	Súng trường Mỹ số 211675
	Súng CKC
	Súng săn của Mỹ
	Súng trung liên
	Súng đại liên
	Súng B40
	Súng trung liên (1716012)
	Súng B41 (603895)
	Súng các bin
	Súng săn dân tộc Hà Nhì
	Súng săn dân tộc Mông
	Súng kíp dân tộc Dao
	Máy đàm thoại HT1
	Ống nhôm
	Bom bi
	Bom bướm bướm
	Bom Mỹ
	Cát tút + đầu đạn

STT	Danh mục
	Đạn + cát tút
7	Hiện vật thời kỳ đổi mới gồm:
	Bát yêu
	Đĩa sứ tráng men
	Điều bát
	Bát tô lan
	Bát con
	Máy tễ ngô
	Máy tuốt lúa
8	Hiện vật Đèo Văn Long gồm:
	Áo lễ phục
	Mặt gối rồng
	Bức thêu sa tanh
	Câu đối
	Lọng có tua
	Lọng không tua
9	Hiện vật khác gồm
	Thân tượng đồng
	Đầu tượng đồng
	Đầu tượng đồng
	Phù điều bằng chì
	Gạch chữ nhật L1
	Gạch chữ nhật L2
	Mảnh gạch chữ nhật L2
	Gạch chữ nhật L4
	Vòng cổ bạc
	Ấm bạc
	Ấu bạc
	Tượng quan âm
	Gạc hương
	Ngà voi
	Tượng tín ngưỡng dân tộc Lào (Đồ thờ cúng)
	Tượng phật
	Triện đồng
	Súng Pa chay
	Con hạc (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Chuông đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Bát hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Cọc nền (Đồ thờ Hoàng Công Chất)

STT	Danh mục
	Đài đồng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Tượng bụt ốc
	Lư hương (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Súng thần công
	Súng mèo cổ
	Bát con
	Tượng (Đồ thờ Hoàng Công Chất)
	Vạc đồng
	Nồi đồng
	Chuông đồng thị xã Lai Châu (Mường Lay)
	Thạp men nâu
	Hũ sành
	Bát sành thời Trần
	Bát sành thời Lê
	Bát gốm (thời Trần)
	Bát gốm (thời Hậu Lê)
	Đĩa sứ tráng men (thời Lê)
	Chũm chọe
	Liễn gốm tráng men
	Bát con (Thời Lê)
	Bát tô (Thời Lê)
	Ang (Thời Lê)
	Tượng Nà Tăm
	Bát
	Lọ gốm
	Bát
	Liễn men ngọc
	Cốc chân cao
II	Hiện vật trưng bày tại Bảo tàng chiến thắng Lịch sử Điện Biên Phủ và các di tích lịch sử
1	Súng trung niên 24-29
2	Súng tiểu liên K50
3	Súng tiểu liên Tuyn
4	Súng ngắn col 12
5	Súng Bazoka

STT	Danh mục
6	Địa bàn- la bàn
7	Súng Stốc
8	Súng trọng liên Mas
9	Súng trọng liên 12,7mm
10	Đỉnh hương
11	Nòng súng cối 120mm
12	Thân súng ĐKZ
13	Máy ảnh
14	Ghế xếp
15	Súng cối 60mm
16	Ghế sắt
17	Luối móc
18	Pháo 155mm
19	Càng pháo 155mm
20	Chân đế càng pháo 155mm
21	Xác xe cơ giới
22	Cối xay cà phê
23	Bình súng phun lửa
24	Bộ quần áo lính pháp
25	Vạc
26	Ống nhôm
27	Bom phá
28	Bàn sắt
29	Xe cút kít
30	Lốp ô tô
31	Nhíp ô tô
32	Sơn pháo 75mm
33	Hỏa tiễn H6

STT	Danh mục
34	Xe tăng
35	Súng trọng liên 4 nòng
36	Máy điểm hỏa+ cuộn dây điện
37	Bồn tắm
38	Máy phát điện
39	Nòng pháo 155mm
40	Bàn làm việc
41	Guồng quay thông tin
42	Súng các bin
43	Súng tiểu liên Tuyn
44	Súng trường
45	Cối xay
46	Súng phóng lựu
47	Máy in rô ni ô
48	Bình phun lửa
49	Càng pháo
50	Súng Sten
51	Dao díp
52	Bộ quần áo bộ đội
53	Pháo cao xạ 37 mm
54	Áo Dạ
55	Khung giường sắt
56	Dù
57	Vỏ bình rượu
58	Máy đánh chữ
59	Dụng cụ phẫu thuật
60	Khung cang thương

STT	Danh mục
61	Súng cối 60
62	Xe đạp thô
63	Súng DKZ
64	Đế cối 81mm
65	Súng máy phòng không 12,7mm

PHỤ LỤC SỐ 02
QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TẠI SẢN CƠ ĐỊNH
VÔ HÌNH

Kèm theo Tờ trình số ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính

	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% / năm)
I	Quyền tác giả		
	- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	50	2
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	50	2
	- Tác phẩm âm nhạc	50	2
	- Tác phẩm báo chí	50	2
	- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật	50	2
	- Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
	- Quyền tác giả khác	50	2
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
	- Bằng sáng chế	20	5
	- Nhãn hiệu	10	10
	- Kiểu dáng công nghiệp	15	6,67
	- Khác	10	10
III	Quyền đối với giống cây trồng		
	- Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
	- Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Các phần mềm ứng dụng khác	5	20